

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG PHÁP CÁCH MẠNG TRONG TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM 1945

VŨ QUANG HIỂN\*

Phương pháp cách mạng là một trong những yếu tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Nhiều khi phong trào cách mạng phải dậm chân tại chỗ hoặc thất bại tạm thời, không phải vì thiếu đường lối cách mạng đúng đắn, mà chủ yếu là thiếu phương pháp cách mạng thích hợp. Nhận thức đúng tầm quan trọng của phương pháp cách mạng, *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (Dự án để thảo luận trong Đảng)* khẳng định: "Vũ trang bạo động không phải là một việc thường, chẳng những là theo hình thức trực tiếp cách mạng, mà lại phải theo khuôn phép nhà binh" (1).

Trong thời kỳ trực tiếp vận động cứu nước 1939-1945, Đảng đã giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, đồng thời đề ra chủ trương khởi nghĩa vũ trang, nhấn mạnh việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là *nhiệm vụ trung tâm* của toàn Đảng, toàn dân. Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam là một cuộc khởi nghĩa vũ trang, là sự nổi dậy của quần chúng có vũ trang thô sơ được tổ chức trong phạm vi cả nước, kết hợp với lực lượng vũ trang cách mạng được xây dựng ở một mức độ nhất định (2).

Thắng lợi của cách mạng tháng Tám là thắng lợi của đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn của Đảng Cộng sản và tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh, đồng thời là thắng lợi của phương pháp cách mạng độc lập tự chủ và sáng tạo.

*1. Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng, dựa vào lực lượng toàn dân, kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang*

Theo Hồ Chí Minh, để có cơ thắng lợi, một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương "phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng" (3). Người đánh giá cao vai trò của nhân dân trong khởi nghĩa vũ trang. Sức mạnh của toàn dân vũ trang là một ưu thế tuyệt đối để đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược. Theo Hồ Chí Minh, "Cách mạng là việc chung của cả dân chúng", "Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi" (4).

Quan điểm khởi nghĩa vũ trang toàn dân của Hồ Chí Minh thể hiện rõ qua *Bài ca du kích*. Người chủ trương mọi người già trẻ, gái trai, dân lính đều tham gia đánh giặc. Trong bản Chỉ thị thành lập *Đội Việt*

\*TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH&NV-ĐHQG Hà Nội

*Nam tuyên truyền giải phóng quân* (22-12-1944) Người viết: Cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến toàn dân, "cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân" (5). Khởi nghĩa vũ trang không phải là một cuộc đấu tranh quân sự thuần túy. Trong tác phẩm *Con đường giải phóng*, Hồ Chí Minh khẳng định: Khởi nghĩa vũ trang là nhân dân vùng dậy dùng vũ khí đuổi quân cướp nước. Đó là một cuộc đấu tranh to tát về chính trị và quân sự, là việc quan trọng, làm đúng thì thành công, làm sai thì thất bại.

Ở một nước thuộc địa như Việt Nam, kẻ thù luôn dùng bạo lực đàn áp quần chúng, thì con đường để giành độc lập dân tộc chỉ có thể là con đường cách mạng bạo lực. Bạo lực là công cụ để đập tan bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai, thiết lập chính quyền cách mạng của nhân dân.

Trong phong trào cách mạng thế giới đã từng có quan điểm "súng đẻ ra chính quyền", xem cơ sở của bạo lực là lực lượng vũ trang, đồng nhất hình thức của bạo lực với đấu tranh vũ trang. Điều đó không phù hợp với hoàn cảnh của Việt Nam, vì lực lượng vũ trang cách mạng ở Việt Nam đang trong quá trình hình thành, còn rất nhỏ nhỏ bé.

Quan triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, coi sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Đảng và Hồ Chí Minh cho rằng: *Bạo lực cách mạng cũng là bạo lực của quần chúng*. Bạo lực cách mạng không đơn thuần chỉ dựa vào tổ chức vũ trang và biểu hiện bằng hình thức đấu tranh vũ trang. Cơ sở của bạo lực cách mạng bao gồm hai lực lượng: Lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, được biểu hiện bằng hai hình thức đấu tranh: Đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang và sự kết hợp cả hai hình thức đó. Tuy nhiên không phải mọi cuộc đấu tranh chính trị

đều được coi là bạo lực cách mạng, mà chỉ có những cuộc đấu tranh nào nhằm vào bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai khi vấn đề chính quyền được đặt ra mà thôi.

Từ nhận thức trên, Đảng chỉ đạo xây dựng chỗ dựa của bạo lực bao gồm cả dân tộc, được tổ chức thành hai lực lượng cơ bản: Lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân.

Ngay từ lúc ra đời, với hệ thống tổ chức chặt chẽ và cương lĩnh chính trị đúng đắn, Đảng đã nắm quyền lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam, quy tụ lực lượng và sức mạnh cả dân tộc, làm dấy lên cao trào cách mạng năm 1930, mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ - Tĩnh. Đó là một cao trào cách mạng triệt để, diễn ra trên quy mô rộng lớn, huy động đông đảo quần chúng tham gia, với những hình thức đấu tranh phong phú và quyết liệt, trong đó quần chúng công - nông đã vùng ra một nghị lực phi thường, làm rung chuyển trận địa của chủ nghĩa đế quốc ở nông thôn. Lực lượng chính trị được tạo ra từ đó.

Trong thời kỳ 1936-1939, tận dụng khả năng hoạt động hợp pháp công khai do hoàn cảnh quốc tế mang lại, Đảng phát động một phong trào dân chủ rộng lớn chưa từng thấy ở cả thành thị và nông thôn, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp xã hội, từ quần chúng cơ bản đến các tầng lớp trên và cả một bộ phận những người Pháp có xu hướng chống phát xít, với những hình thức tổ chức và đấu tranh vô cùng phong phú. Thông qua đó, Đảng có điều kiện tuyên truyền lý luận cách mạng và giáo dục đường lối chính sách của Đảng một cách phổ cập trong quần chúng; giác ngộ và rèn luyện quần chúng qua thực tiễn đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ hàng ngày, xây dựng nên một đạo quân chính trị hùng hậu hàng triệu người.

Trong thời kỳ trực tiếp vận động cứu nước 1939-1945, Hội nghị lần thứ Tám của Ban chấp hành Trung ương Đảng (5-1941) chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh với các đoàn thể quần chúng mang tên cứu quốc, đoàn kết mọi người Việt Nam có lòng yêu nước thương nòi. Việt Minh là nơi tập hợp, giác ngộ và rèn luyện lực lượng chính trị cho cách mạng, một lực lượng cơ bản và có ý nghĩa quyết định trong tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Trên cơ sở lực lượng chính trị vững chắc, Đảng và Hồ Chí Minh từng bước chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Ngay trong thời kỳ vận động thành lập Đảng, Hồ Chí Minh đã quan tâm đào tạo cán bộ quân sự, nghiên cứu lý luận quân sự, đặt nền móng cho sự ra đời lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng lực lượng vũ trang cách mạng được xây dựng, bao gồm lực lượng vũ trang tập trung: *Cứu quốc quân*, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, được thống nhất thành *Việt Nam giải phóng quân* (5-1945) và lực lượng bán vũ trang gồm các đội du kích, tự vệ và tự vệ chiến đấu rộng khắp.

Quá trình chuẩn bị lực lượng là một quá trình kết hợp tổ chức và đấu tranh, thông qua đấu tranh để rèn luyện lực lượng và củng cố tổ chức. *Cả hai lực lượng chính trị và vũ trang đều là chỗ dựa của bạo lực cách mạng, là điều kiện để kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang trong một cuộc khởi nghĩa toàn dân.*

Trong cao trào kháng Nhật cứu nước, lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang khá nổi bật với hình thức chiến tranh du kích cục bộ, chủ yếu là ở vùng Thượng du và Trung du Bắc Kỳ, nhưng phong trào nổi dậy của quần chúng với hình thức khởi nghĩa từng phần cũng diễn ra ở nhiều nơi,

nhất là vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Trong tổng khởi nghĩa tháng Tám, lực lượng chính trị quần chúng có vũ trang thô sơ là lực lượng đông đảo nhất và giữ vị trí quyết định. Lực lượng vũ trang, tuy số lượng không nhiều, còn thiếu thốn về trang bị, non yếu về trình độ tác chiến, nhưng có vai trò rất quan trọng trong hoạt động công kích quân sự ở một số nơi, gây thanh thế cho cách mạng, đồng thời là lực lượng nòng cốt, lực lượng xung kích, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.

Bằng sự kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang, đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, Cách mạng tháng Tám có sức mạnh áp đảo, đập tan bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai, giành chính quyền về tay nhân dân.

## 2. Kết hợp khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị

Khác với cách mạng Nga, từ thành thị phát triển về nông thôn, và cách mạng Trung Quốc, từ nông thôn vào thành thị, lấy nông thôn bao vây thành thị. Cách mạng tháng Tám đã diễn ra với sự kết hợp hài hòa nông thôn và thành thị. Hình thái cách mạng đó liên quan chặt chẽ đến nhận thức của Đảng về vị trí của nông thôn và thành thị, và từ đó có sự chỉ đạo chuẩn bị lực lượng và đấu tranh trên cả hai địa bàn chiến lược này.

Nông thôn, nhất là nông thôn rừng núi, là nơi tập trung quần chúng nông dân đông đảo đã được tổ chức, giác ngộ và rèn luyện qua các giai đoạn đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng; nơi có địa hình thuận lợi cho việc tổ chức và che giấu lực lượng; đồng thời là nơi kẻ địch có nhiều sơ hở hơn so với thành thị.

Thành thị là nơi tập trung công nhân và nhiều tầng lớp lao động đã được giác ngộ theo phương hướng cách mạng của Đảng; là địa bàn hiểm yếu do tập trung các cơ quan đầu não của kẻ thù; đồng thời là nơi tập trung thông tin, giúp cho việc đánh giá chính xác tình hình và đề ra chủ trương đúng đắn và kịp thời.

Ngay khi Chiến tranh thế giới thứ Hai bùng nổ (9-1939), Đảng chủ trương rút vào hoạt động bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, dựa vào nông thôn để phát triển lực lượng về mọi mặt. Mặt khác, Đảng vẫn không coi nhẹ vai trò thành thị. Tháng 2-1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp hội nghị bàn việc mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất và xúc tiến việc chuẩn bị khởi nghĩa. Hội nghị nhận xét rằng phong trào Việt Minh đã phát triển, song phong trào ở đô thị còn yếu. Phong trào công nhân không được mạnh và rộng rãi tương xứng với vị trí của giai cấp đó, đồng thời còn thiếu một "phong trào cách mạng quốc gia tư sản và phong trào thanh niên, học sinh"(6).

Hội nghị đề ra những biện pháp cụ thể nhằm phát triển phong trào quần chúng rộng rãi và đều khắp, đặc biệt chú trọng đến công tác công vận, xây dựng cơ sở cách mạng trong công nhân, nhất là ở các thành phố lớn, nhằm chuẩn bị điều kiện cho cuộc khởi nghĩa trong tương lai có thể nổ ra ở những trung tâm đầu não của quân thù, làm cho chúng bị tê liệt, bảo đảm cho cuộc khởi nghĩa lan rộng trong cả nước. Đồng thời phải chú trọng mở rộng phong trào cách mạng trong thanh niên, học sinh, trí thức, nhằm làm cho cuộc khởi nghĩa mang tính chất toàn dân.

Nhờ bám sát địa bàn thành thị, Thường vụ Trung ương Đảng có được những thông tin chính xác về những dấu hiệu chuẩn bị

đảo chính của Nhật lật đổ Pháp ở Đông Dương, kịp thời đánh giá tình hình và đề ra chủ trương đúng.

Trong thời kỳ kháng Nhật cứu nước, phong trào cách mạng diễn ra đều khắp, ở cả nông thôn và thành thị, bằng những hình thức đấu tranh thích hợp với điều kiện từng địa bàn, làm cho lực lượng cách mạng phát triển rộng khắp. Trong khi căn cứ địa Việt Bắc ra đời (6-1945), các chiến khu cách mạng được xây dựng và mở rộng ở vùng nông thôn rừng núi (Trần Hưng Đạo, Quang Trung...), thì ngay sát Hà Nội, các khu an toàn (ATK) được xây dựng. Đó là nơi đứng chân của Thường vụ Trung ương Đảng và Xứ uỷ Bắc Kỳ để chỉ đạo phong trào trong thành phố. Hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác trừ gian trong các đô thị có tác dụng phá lỏng ách kìm kẹp của địch, tạo đà xây dựng các tổ chức cứu quốc trong các tầng lớp nhân dân thành thị và lực lượng tự vệ cứu quốc.

Tháng 8-1945, khi thời cơ cách mạng xuất hiện, Đảng quyết định tổng khởi nghĩa và chủ trương: "Phải chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay thôn quê. Thành lập những uỷ ban nhân dân ở những nơi ta làm chủ". Về nhiệm vụ quân sự, Hội nghị toàn quốc của Đảng quyết định "chộp lấy những căn cứ chính (cả các đô thị) trước khi quân Đồng minh vào" (7).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, bão táp cách mạng dồn dập nổi lên ở cả thành thị và nông thôn. Lò lửa của cuộc khởi nghĩa dân tộc bùng cháy trong cả nước.

Nhận thức đúng vai trò của nông thôn và thành thị, Đảng coi nông thôn là trận địa vững chắc, dựa vào nông thôn để phát triển lực lượng chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng; đồng thời, coi thành thị là địa bàn xung

yếu, tiếp tục xây dựng cơ sở chính trị ở thành thị. Đó là điều kiện để có thể phát động toàn dân nổi dậy ở cả nông thôn và thành thị, trong đó những cuộc khởi nghĩa ở thành thị nhằm vào các cơ quan đầu não của kẻ thù có tác dụng quyết định thắng lợi của tổng khởi nghĩa.

### 3. Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa

Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa là hình thức phát triển của Cách mạng tháng Tám (1945). Đó là một điển hình sáng tạo của Đảng và Hồ Chí Minh trong việc vận dụng lý luận Mác - Lênin về khởi nghĩa vũ trang.

Theo Hồ Chí Minh, ở các nước Âu, Mỹ cuộc khởi nghĩa thường hay bắt đầu từ những cuộc bãi công chính trị rồi mới tiếp đến các cuộc vũ trang bạo động. Ở Đông Dương ta, khởi nghĩa có thể bùng ra ở một vài nơi rồi lan dần khắp nước. Khởi nghĩa bùng ra ở nơi nhiều rừng núi tiện cho lối đánh du kích. Đó chính là sự khác biệt của Việt Nam so với các nước phương Tây.

Hội nghị lần thứ tám của Ban chấp hành Trung ương Đảng (5-1941) chủ trương trong những hoàn cảnh nhất định thì "với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn" (8).

Trước lúc Nhật tiến hành cuộc đảo chính lật đổ Pháp (9-3-1945), Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Từ Sơn (Bắc Ninh) phân tích tình hình và đề ra chủ trương chiến lược mới. Ngày 12-3-1945 Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra bản *Chỉ thị Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*, nhận định cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương đã tạo ra một cuộc khủng

hoảng chính trị sâu sắc, nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi, vì Nhật đảo chính Pháp khá dễ dàng, nên lực lượng của Nhật còn nguyên vẹn, còn đủ sức đàn áp cách mạng; Tầng lớp trung gian mới chỉ hoang mang chứ chưa ngã hẳn về phía cách mạng; Đảng và quần chúng cách mạng, trừ các căn cứ chính, còn nhìn chung trong cả nước chưa sẵn sàng hành động. Tuy vậy, hiện đang có những cơ hội tốt làm cho những điều kiện tổng khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi: Chính trị khủng hoảng do cuộc đảo chính gây ra, nạn đói ghê gớm và chiến tranh đến giai đoạn quyết liệt.

Chỉ thị xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương sau cuộc đảo chính là phát xít Nhật vì vậy phải thay khẩu hiệu "*đánh đuổi phát xít Nhật-Pháp*" bằng khẩu hiệu "*đánh đuổi phát xít Nhật*" và đưa ra khẩu hiệu "thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương" để chống lại chính phủ bù nhìn Việt gian thân Nhật.

Ban Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương *phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa*. Mọi hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh phải thay đổi cho thích hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa, nhằm động viên mau chóng quần chúng lên trận địa cách mạng, tập dượt quần chúng tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Muốn vậy, phải thực hiện những hình thức tuyên truyền và đấu tranh cao hơn và mạnh bạo hơn như tuyên truyền xung phong có vũ trang, biểu tình tuần hành thị uy, bãi công chính trị, tổ chức quần chúng đánh phá các kho thóc để giải quyết nạn đói, đẩy mạnh xây dựng các đội tự vệ cứu quốc, tổ chức bộ đội, du kích, thành lập căn cứ địa cách mạng, phát động du kích chiến tranh ở những nơi có điều kiện.

Phương châm đấu tranh lúc này là phát động chiến tranh du kích, giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ địa, đó là phương pháp duy nhất của dân tộc để đóng vai trò chủ động trong việc đánh đuổi quân Nhật và sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa một khi có đủ điều kiện.

Bản chỉ thị ngày 12-3-1945, thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, kịp thời của Đảng. Đó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt Minh trong cao trào chống Nhật cứu nước, trực tiếp dẫn đến thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cao trào kháng Nhật cứu nước đã diễn ra mạnh mẽ với nhiều hình thức: Chiến tranh du kích cục bộ ở vùng Thượng du và Trung du Bắc Kỳ; Phá kho thóc của Nhật để giải quyết nạn đói ở vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; Vũ trang tuyên truyền, diệt ác trừ gian ở các đô thị, nhất là những thành phố lớn như Hà Nội, Huế, Sài Gòn; Khởi nghĩa Ba Tơ. Báo chí cách mạng đều ra công khai và gây ảnh hưởng chính trị vang dội...

Thực chất của cao trào kháng Nhật cứu nước là một thời kỳ khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ, giành chính quyền bộ phận ở nhiều vùng nông thôn. Nó làm cho trận địa cách mạng được mở rộng, lực lượng cách mạng được tăng cường, tạo ra đầy đủ những điều kiện chủ quan của cách mạng. Đây cũng là một cuộc tập dượt vĩ đại, làm cho toàn Đảng, toàn dân Việt Nam sẵn sàng, chủ động tiến lên chớp thời cơ tổng khởi nghĩa. Cao trào cách mạng trong thời kỳ này chính là một quá trình đẩy nhanh sự tích lũy về lượng để dẫn tới bước nhảy vọt về chất khi thời cơ đến. Đó là một nét đặc sắc của Cách mạng tháng Tám, một điển hình thành công trong nghệ thuật chỉ đạo khởi nghĩa vũ trang của Đảng.

#### 4. Vấn đề thời cơ cách mạng

Để tiến hành khởi nghĩa thắng lợi phải có đủ điều kiện chủ quan, khách quan và phải nổ ra đúng thời cơ. Cùng với việc chuẩn bị lực lượng chu đáo, Đảng và Hồ Chí Minh hết sức coi trọng vấn đề thời cơ cách mạng. Hội nghị lần thứ Tám của Ban chấp hành Trung ương Đảng (5-1941) khẳng định: "Cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang". Chúng ta phải "luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù" (9).

Tại Hội nghị tháng 2-1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng dự đoán chiều hướng phát triển của phong trào cách mạng dưới ách thống trị của Pháp-Nhật. Hội nghị cho rằng "phong trào cách mạng Đông Dương có thể *bông chóc tiến lên bằng những bước nhảy cao*". Hội nghị quyết định phải khẩn trương hơn nữa trong việc chuẩn bị khởi nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ Tám (5-1941) của Ban chấp hành Trung ương Đảng, phải "đặt mình vào tình thế khẩn cấp", coi việc "chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta và dân ta trong giai đoạn hiện tại" (10). Hội nghị vạch ra một kế hoạch thúc đẩy việc chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt cho cuộc khởi nghĩa sắp đến.

Vận dụng luận điểm của Lênin về tình thế cách mạng, trong tác phẩm *Con đường giải phóng*, Hồ Chí Minh nêu ba điều kiện của thời cơ khởi nghĩa:

*Một là*, chính quyền thực dân đế quốc đã lung lay bối rối đến cao độ, chúng đã cảm thấy không thể ngồi yên nắm giữ địa vị của chúng như trước.

*Hai là*, quần chúng đói khổ đã căm thù thực dân đế quốc đến cực điểm, đã thấy cần phải đồng tâm hiệp lực, nổi dậy lật đổ ách

thống trị của đế quốc thực dân, vì mọi người hiểu rằng nếu ngồi yên cũng chết.

*Ba lá*, đã có một chính đảng cách mạng đủ sức tổ chức, lãnh đạo quần chúng nổi dậy khởi nghĩa theo một đường lối đúng đắn, một kế hoạch phù hợp, đảm bảo giành thắng lợi cho cuộc khởi nghĩa.

Hội nghị lần thứ Tám của Ban chấp hành Trung ương Đảng nêu rõ muốn gây cuộc khởi nghĩa bằng võ trang phải nhằm vào các điều kiện chủ quan:

“1. Mặt trận cứu quốc đã thống nhất được toàn quốc.

2. Nhân dân không thể sống được nữa dưới ách thống trị của Pháp - Nhật, mà đã sẵn sàng hy sinh bước vào con đường khởi nghĩa.

3. Phe thống trị Đông Dương đã bước vào cuộc khủng hoảng phổ thông đến cực điểm vừa về kinh tế, chính trị lẫn quân sự.

4. Những điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa Đông Dương như quân Tàu đại thắng quân Nhật, Cách mạng Pháp hay Cách mạng Nhật nổi dậy, phe dân chủ đại thắng ở Thái Bình Dương, Liên Xô đại thắng, cách mạng các thuộc địa Pháp, Nhật sôi nổi và nhất là quân Tàu hay quân Anh - Mỹ tràn vào Đông Dương” (11).

Đảng và Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề thời cơ trong khởi nghĩa vũ trang. Khi còn ở Quế Lâm, Trung Quốc (11-1940), nghe tin về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, Hồ Chí Minh nói: Tình hình chung trên thế giới ngày càng có lợi cho ta, nhưng thời cơ chưa đến, chưa thể khởi nghĩa được. Song nay khởi nghĩa đã nổ ra rồi, thì cần rút lui cho khéo để duy trì phong trào.

Tháng 5-1941, trong Lời kêu gọi đồng bào, Hồ Chí Minh phân tích nguyên nhân thất bại của các cuộc khởi nghĩa trước đây: Một là vì cơ hội chưa chín, hai là vì dân ta

chưa đồng tâm hiệp lực. Mùa Thu 1944, Người chỉ thị hoãn cuộc khởi nghĩa ở Cao - Bắc - Lạng vì cả nước chưa có điều kiện hưởng ứng, kẻ thù có thể tập trung lực lượng đàn áp khởi nghĩa ở một địa phương.

Đảng và Hồ Chí Minh luôn dự đoán thời cơ. Đánh giá chính xác xu thế phát triển của thời cuộc, tháng 10-1944, Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào toàn quốc, nêu rõ: “Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!” (12).

Trong chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* (12-3-1945), Ban Thường vụ Trung ương Đảng dự kiến những hoàn cảnh thuận lợi để thực hiện tổng khởi nghĩa như khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật đã bám chắc, tiến sâu trên đất ta và quân Nhật đã kéo ra mặt trận ngăn cản quân Đồng minh để phía sau sơ hở. Cũng có thể là cách mạng Nhật bùng nổ và chính quyền cách mạng của nhân dân Nhật được thành lập, hoặc Nhật bị mất nước như Pháp năm 1940 và quân đội viễn chinh Nhật mất tinh thần. Chỉ thị còn nêu rõ rằng dù sao ta vẫn không được ỷ lại vào người và tự bó tay mình trong khi tình thế biến chuyển thuận lợi, mà phải nêu cao tinh thần dựa vào sức mình là chính.

Khi Chiến tranh thế giới thứ Hai kết thúc, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện, hàng ngũ chỉ huy của Nhật ở Đông Dương chia rẽ đến cực điểm: quân lính Nhật tan rã, mất tinh thần; bọn Việt gian thân Nhật hoảng sợ. “Những điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương như đã chín muồi”. “Cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới”.

Tuy nhiên thời cơ này không tồn tại vĩnh viễn. Nó sẽ biến mất khi quân Đồng minh vào nước ta để tước vũ khí phát xít Nhật. Với bản chất thực dân đế quốc, chúng có thể dựng ra một chính quyền tay sai trái với ý chí và nguyện vọng của dân tộc ta. Đế quốc Pháp đang lăm le khôi phục lại địa vị cũ ở Đông Dương. Bọn phản động trong nước cũng đang tìm cách thay thầy đổi chủ. Thời cơ cách mạng chỉ tồn tại trong khoảng thời gian từ khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào nước ta. Đó là lúc kẻ thù cũ đã ngã gục, nhưng kẻ thù mới chưa kịp đến, so sánh lực lượng có lợi nhất đối với cách mạng. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (14 và 15-8-1945) quyết định phát động toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

Kiên quyết chớp thời cơ, Hội nghị chỉ rõ: "Tình thế vô cùng khẩn cấp. Tất cả mọi việc đều phải nhằm vào ba nguyên tắc:

- a. Tập trung - tập trung lực lượng vào những việc chính.
- b. Thống nhất - thống nhất về mọi phương diện quân sự, chính trị, hành động và chỉ huy
- c. Kịp thời - kịp thời hành động không bỏ lỡ cơ hội" (13).

Ngày 16-8-1945 Hồ Chí Minh kêu gọi: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ" (14).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cả dân tộc Việt Nam nhất tề nổi dậy với tinh thần: Dù hy sinh tới đâu, dù có phải đốt cháy cả dãy

Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được độc lập. Cách mạng Việt Nam tiến đến bước nhảy vọt vĩ đại: Nhanh chóng chuyển từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa.

Nhờ có sự chuẩn bị lực lượng chu đáo, lại nổ ra đúng thời cơ, cách mạng tháng Tám đã giành được thắng lợi "nhanh, gọn, ít đổ máu". Đó là một điển hình thành công về nghệ thuật tạo thời cơ, dự đoán thời cơ, nhận định chính xác thời cơ, đồng thời kiên quyết chớp thời cơ phát động toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình, là một minh chứng hùng hồn rằng: Khởi nghĩa vũ trang không chỉ là một khoa học, mà đồng thời còn là một nghệ thuật, đòi hỏi sự nắm vững và tuân theo những quy luật hết sức chặt chẽ, đồng thời đòi hỏi sự khéo léo của lực lượng lãnh đạo cách mạng. Đó không chỉ là thắng lợi của đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, mà còn là thắng lợi của phương pháp cách mạng độc lập tự chủ và sáng tạo của Đảng và Hồ Chí Minh, thắng lợi của nghệ thuật khởi nghĩa dân tộc.

Cách mạng tháng Tám để lại những kinh nghiệm lịch sử về phương pháp cách mạng: Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang; Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang; Đi từ khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ ở nông thôn; Tiến lên chớp đúng thời cơ tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị, đập tan bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai, thiết lập chính quyền cách mạng.



## CHÚ THÍCH

(1). *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 102

(2). Theo *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, khởi nghĩa là "nổi dậy có tổ chức của quần chúng nhằm lật đổ ách thống trị của giai cấp bóc lột trong nước, hoặc ách đô hộ của nước ngoài, giành chính quyền ở địa phương hoặc cả nước. Lực lượng quyết định thắng lợi của khởi nghĩa là lực lượng chính trị của quần chúng, có sự phối hợp của lực lượng vũ trang. Các cuộc khởi nghĩa trong lịch sử thường phải dùng đến sức mạnh vũ trang. Việc dùng sức mạnh vũ trang đến mức nào là tùy thuộc vào sự phản kháng của chính quyền phản động": *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*. Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1996, tr. 426-427).

Theo *Từ điển bách khoa Việt Nam*, khởi nghĩa vũ trang là "khởi nghĩa được tiến hành chủ yếu bằng hoạt động vũ trang, nhằm vô hiệu hóa lực lượng vũ trang của chính quyền hiện hữu, làm cho nó mất chỗ dựa về quân sự, và không còn sức mạnh đàn áp ở từng nơi, từng lúc.

Khởi nghĩa vũ trang thường do quần chúng được vũ trang, kết hợp với lực lượng vũ trang của quần chúng có tổ chức và đôi khi có kết hợp với một bộ phận của lực lượng vũ trang được giác ngộ của chính quyền hiện hữu." *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập II, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2002, tr. 530.)

(3). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 468.

(4). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 274.

(5). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 507.

(6), (7), (8), (9), (10), (11), (13). *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 290, 425-427, 131-132, 131, 298, 130, 425.

(12). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 3, Sđd, tr. 506.

(14). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 3, Sđd, tr. 554.

